

UBND TỈNH VĨNH PHÚ
Số: 976/1996/QĐ-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚ
*Về việc phê duyệt quy hoạch tổng
thể kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phú đến năm 2010*

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚ

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành ngày 21/6/1994

Thực hiện chỉ thị 4937-ĐFI ngày 06/9/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của các tỉnh thành phố.

Căn cứ vào số 3684 /UB- VCL ngày 21/10/1995 của Ủy ban kế hoạch Nhà nước về việc thỏa thuận phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phú

Căn cứ thông báo số 275 / TB-TU ngày 24/7/1995 của hội nghị Tỉnh uỷ về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Vĩnh Phú đến năm 2010.

Xét tờ trình số: 716/ TT-KH ngày 15/12/1996 của Ủy ban kế hoạch tỉnh Vĩnh Phú về việc đề nghị phê duyệt quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phú đến năm 2010.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Căn cứ vào nội dung Phê duyệt quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế- xã hội tỉnh Vĩnh Phú đến 2010 với các nội dung chính tại văn bản đính kèm quyết định này.

Điều 2: Căn cứ vào nội dung phê duyệt tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, các ông Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh tranh thủ phối hợp với các ngành Trung ương để từng bước triển khai trong các kỳ kế hoạch năm năm, hàng năm và các dự án cụ thể nhằm thực hiện những mục tiêu định hướng cơ bản trong quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh, nhanh chóng xây dựng Vĩnh Phú trở thành tỉnh phát triển ngang tầm với chung toàn quốc.

Điều 3: Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã căn cứ quyết định triển khai./.

Nội dung cơ bản quy hoạch tổng thể

kinh tế- xã hội tỉnh Vĩnh Phú đến năm 2010

(Ban hành kèm theo quyết định số: 976/QĐ-UB ngày 23/5/1996 của chủ tịch Ủy Ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú).

Mục tiêu cơ bản của quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội đến 2010 là tạo căn cứ cho việc hoạch định các chủ trương phát triển, các kế hoạch đầu tư và hợp tác, đoán trước cơ hội để vận dụng vào điều kiện cụ thể của tỉnh, nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển hoà nhịp với quá trình vận động mạnh mẽ của địa bàn trọng điểm Bắc Bộ cũng như cả nước. Phương hướng quy hoạch đến năm 2010 được nghiên cứu toàn diện (cả tự nhiên kinh tế, xã hội, môi trường) nhưng tập trung vào những vấn đề then chốt, các khâu đột phá trọng điểm đầu tư, có những vấn đề được xem xét xa hơn và có vấn đề đặt ra được xem xét ngay trong thời kỳ đầu, nhất là giai đoạn 1996 - 2000.

PHẦN 1: ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN LỰC VÀ THỰC TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI

I- Đánh giá các nguồn lực, lợi thế, hạn chế và thách thức

1) Vĩnh Phú có lợi thế về vị trí địa lý : Là cửa ngõ nối liền giữa thủ đô Hà Nội với các tỉnh phía Tây Bắc, liền kề với tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng- Quảng Ninh, gần sân bay quốc tế Nội Bài, là tỉnh có vị trí quan trọng đối với an ninh quốc phòng

2) Tài nguyên để phát triển kinh tế xã hội.

Vĩnh Phú là tỉnh trung du có cả đồng bằng và miền núi. Tổng diện tích tự nhiên là 4.825km², trong đó 3.287km² là diện tích miền núi(68%) là tỉnh có lịch sử phát triển lâu đời nơi đất tổ Hùng Vương dựng nước, là cội nguồn dân tộc . Với các điều kiện về địa hình, khí hậu, đất đai, nguồn nước và dân cư tương đối đa dạng và phong phú, là điều kiện thuận lợi để phát triển nền kinh tế tổng hợp có cơ cấu đa dạng, với nhiều loại sản phẩm phong phú của cả đồng bằng trung du và miền núi.

- Đất đai tuy không tốt lắm nhưng còn khả năng khai thác để phát triển kinh tế nông lâm nghiệp; còn rất nhiều đất xây dựng, có thể hình thành các khu, cụm công nghiệp tập trung và

phát triển đô thị với qui mô hàng ngàn ha ở dọc đường quốc lộ 2, thành phố Việt Trì, các thị xã và các huyện lỵ.

- Tài nguyên khoáng sản tuy không giàu, nhưng đa dạng và có loại mang ý nghĩa cả nước. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn và chất lượng tốt để phát triển công nghiệp như: Pensepat, Cao lanh, đá vôi, Quắc zít, Tals, cát sỏi, nước khoáng, vật liệu xây dựng (kể cả vật liệu nhẹ).

- Có cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử, công trình văn hoá gắn với nhiều lễ hội truyền thống như Tam đảo, Tây Thiên, Đại Lải, Ao Châu, hang động Xuân Sơn, ngã 3 sông Việt trì, khu di tích lịch sử Đền Hùng. Số lượng và di tích lịch sử cao, là một trong những tỉnh có những điểm du lịch có khả năng thu hút nhiều khách du lịch.

- Tài nguyên nước(nước mặt, nước ngầm) tương đối dồi dào, phân bố tương đối đều, chất lượng tương đối tốt, đảm bảo đủ cung cấp cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt.

3) Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có:

- Hệ thống giao thông của tỉnh tương đối đồng bộ, có khả năng phát triển cả đường bộ, đường sắt và đường thủy, hệ thống các nhà ga, bến xe, bến cảng có vai trò trung chuyển cho cả vùng 6 tỉnh phía Bắc với vùng tam giác phát triển(Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) và đồng bằng sông Hồng. Hơn nữa Vĩnh Phú nằm tiếp giáp với sân bay Nội Bài rất thuận lợi cho giao lưu và tiếp cận các vùng xung quanh.

- Quá trình phát triển công nghiệp trên địa bàn đã sớm tạo cho Vĩnh Phú những cụm công nghiệp lớn tại Việt Trì - Phong Châu, Phú Thọ - Thanh Ba, Xuân Hoà - Mê Linh và Vĩnh Yên- Tam Đảo. Trên địa bàn tỉnh đã có một số cơ sở công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả vốn liên doanh và 100% vốn nước ngoài) đang hoạt động và đã được cấp giấy phép đầu tư, khả năng trong thời gian tới số xí nghiệp đầu tư nước ngoài sẽ tăng nhanh. Đó là những tiền đề hết sức quan trọng, tạo điều kiện cho Vĩnh Phú đẩy nhanh phát triển kinh tế. Cùng với sự phát triển công nghiệp, Vĩnh Phú đã hình thành rõ nét vùng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến như; vùng chè, vùng nguyên liệu giấy sợi; đang hình thành vùng cây ăn quả, vùng mía và chăn nuôi để có nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến nông sản.

- Hệ thống mạng lưới điện quốc gia tương đối phát triển với các cấp điện áp 110kv, 35kv và tương lai 220kv, hệ thống điện trung áp, hạ áp và phụ tải, đây là nguồn lực rất quan trọng tạo

tiền đề cho Vĩnh Phú phát triển.

- Vĩnh Phú có nhiều cơ sở nghiên cứu và thực nghiệm khoa học của Trung ương đóng trên địa bàn thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp. Những cơ sở đó tạo điều kiện thuận lợi cho Vĩnh Phú nhanh chóng tiếp cận với phát triển khoa học kỹ thuật.

4) Dân số trung bình năm 1995: 2,3 triệu người, dân số thành thị chiếm xấp xỉ 8%(cả nước 20%). Mật độ dân số 468 người/km². Tốc độ phát triển dân số 1,97%. Lao động trong độ tuổi có trên 1,1 triệu, trong đó cán bộ khoa học và công nhân kỹ thuật chiếm trên 8,5%. Dự báo đến năm 2010 Vĩnh Phú có khoảng 2,9 triệu dân, 1,6 triệu lao động, trong 15 năm tới phải tạo việc làm cho từ 45-48 vạn lao động. Trình độ dân trí tương đối khá, là một trong 6 tỉnh đầu tiên được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học.

5) Có thị trường rộng lớn từ thị trường địa phương, thị trường khu vực đến thị trường cả nước và thị trường quốc tế (trong đó có thị trường phía Nam Trung Quốc). Kinh tế xã hội trong quá trình phát triển sẽ thúc đẩy nhu cầu phát triển ngày càng lớn về các loại sản phẩm hàng hoá như: Nông sản chất lượng cao, đặc sản, vật liệu xây dựng, sản phẩm công nghiệp kỹ nghệ cao, thủ công mỹ nghệ và các sản phẩm văn hoá truyền thống.

6) Mặt hạn chế:

- Cơ sở hạ tầng tiếp tục xuống cấp, trình độ trang bị và công nghệ lạc hậu, thiết bị già cỗi chiếm tới gần nửa (nhất là các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ ở địa phương).

- Tốc độ phát triển dân số còn cao, lao động thiếu công ăn việc làm còn lớn, nhu cầu về phát triển văn hoá, y tế, giáo dục và các vấn đề xã hội khác đang gây sức ép về nhiều mặt .

- Chưa cân bằng được ngân sách, Vĩnh Phú đang thiếu vốn trầm trọng để đầu tư phát triển.

- Thiếu kiến thức tiếp thị và kinh nghiệm quản lý, trình độ đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ quản lý kinh tế và quản lý Nhà nước còn thiếu và yếu. Lực lượng lao động có trình độ kỹ thuật chiếm tỷ lệ thấp, ít công nhân lành nghề bậc cao

7) Những thách thức là

- Là một tỉnh có nguồn tài nguyên và lợi thế, song nếu không phát huy được thì sẽ có nguy cơ tụt hậu xa so với bình quân cả nước.

- Gần thủ đô Hà Nội vừa là lợi thế cũng vừa là thách thức. Sản phẩm của Vĩnh Phú muốn xâm nhập thị trường Hà Nội và thị trường ngoài tỉnh phải có sức cạnh tranh lớn và tiếp thị giỏi.

II- Thực trạng kinh tế-xã hội từ (1991-1995)

1)- Về kinh tế

1.1) Điểm xuất phát

- GDP(theo giá cố định năm 1989) tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 1991-1995 là 7,2%

- Tỷ lệ huy động ngân sách từ GDP 10%(kể cả ngân sách xã). Ngân sách còn thiếu hụt, năm 1994 Trung ương trợ cấp 49,4% tổng chi ngân sách.

- Giá trị xuất khẩu năm 1995 đạt 30 triệu USD, trong đó xuất khẩu địa phương và Trung ương trên địa bàn đạt 15 triệu USD. Bình quân đầu người đạt 13,02 USD bằng 22% so với mức bình quân toàn quốc và 27% so với vùng Bắc Bộ.

- GDP bình quân đầu người (mặt bằng giá năm 1994) năm 1994: 150USD/213USD bằng 70% so với mức trung bình của cả nước (theo giá FOB năm 1989 thì bình quân GDP đầu người của tỉnh là 204 USD/ 279 USD của toàn quốc).

Tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế những năm gần đây có khá hơn, nhưng so với cả nước Vĩnh Phú là tỉnh có điểm xuất phát thấp.

1.2) Cơ cấu kinh tế bước đầu đã chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng công nghiệp- xây dựng và dịch vụ. Cơ cấu kinh tế (theo GDP giá thực tế): Nông lâm nghiệp- công nghiệp- xây dựng - dịch vụ năm 1990 là 54-19,2-26,8; năm 1995 là 42,85- 22,65-34,5%, trong khi đó cả nước có cơ cấu tương ứng là 34,6-27,4-38%.

Vĩnh Phú vẫn là một tỉnh nông lâm nghiệp, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã đúng hướng nhưng còn chậm.

1.3) Thực trạng các ngành kinh tế.

- **Nông lâm nghiệp** năm 1991 -1995 phát triển với tốc độ tăng bình quân hàng năm là 5,75%. Cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng giảm trồng trọt, tăng chăn nuôi; cơ cấu ngành hiện nay trồng trọt 64,8%, chăn nuôi 35,2%. Tổng sản lượng lương thực 1995 đạt 578 ngàn tấn, tăng bình quân trong năm năm là 6,3%, nâng bình quân lương thực đầu người từ 206kg/người 1990 lên 250kg/người năm 1995.